



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2021

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Đánh giá kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng năm 2020
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Phương hướng và nhiệm vụ sản xuất năm 2021

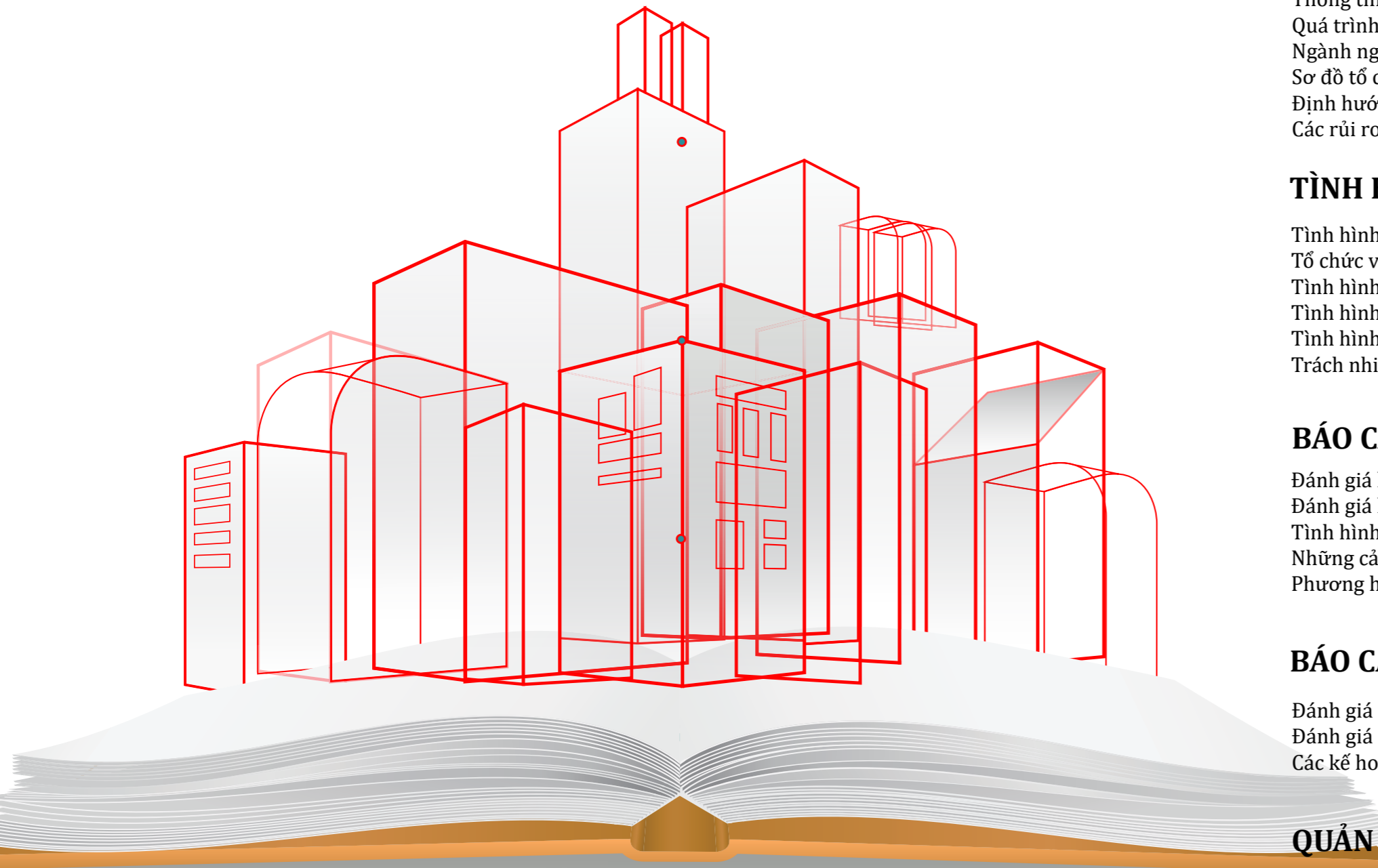
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch và biện pháp thực hiện của Hội đồng quản trị năm 2020

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN





THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch

Tên tiếng Anh

Tên viết tắt

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Địa chỉ

Số điện thoại

Số fax

Website

Mã cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP - VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

DONG NAI ROOFSHEET & CONSTRUCTION MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

DONAC

4703000010 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 09 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 ngày 09 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

272.236.470.000 đồng

272.236.470.000 đồng

KCN Biên Hòa I, đường 4, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

(0251) 383 6130

(0251) 383 6023

<http://donac.net/>

DCT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tiền thân của Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai là hãng Eternit của Pháp, được khởi công xây dựng từ năm 1964 đến 1966.

Bộ Xây dựng có quyết định đổi tên Nhà máy Amiang xi măng Đồng Nai thành Công ty Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty Tấm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang Công ty Cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán: DCT.

Công ty bị hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).



Nhà nước tiếp quản cơ sở Eternit - Việt Nam và đổi tên thành Nhà máy Amiang xi măng Đồng Nai, trực thuộc liên hiệp các xí nghiệp gạch ngói và sành sứ xây dựng - Bộ xây dựng.

Đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng.

Đầu tư dây chuyền sản xuất gạch bê tông công suất 1 triệu m2/năm và ngói màu công suất 2 triệu viên/năm.

Hoàn thành nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch với công suất 1 triệu tấn/năm.

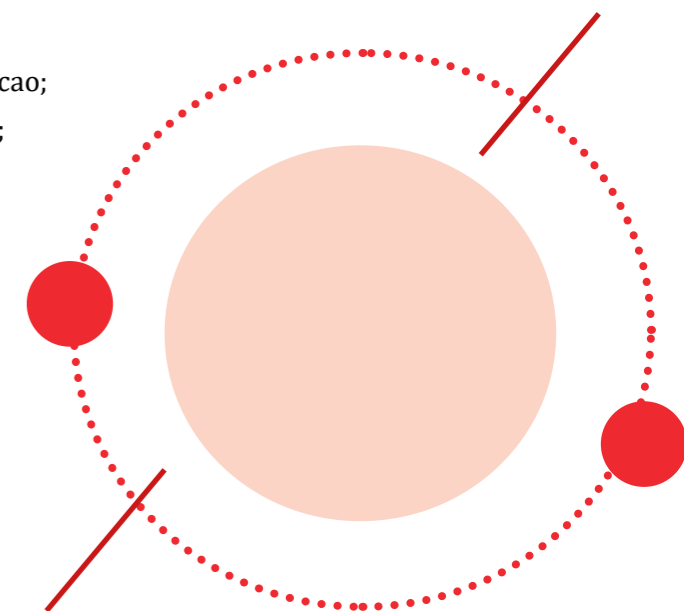
Công ty tập trung mọi nguồn lực để duy trì hoạt động ổn định, vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN KINH DOANH



Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



Sản phẩm kinh doanh

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

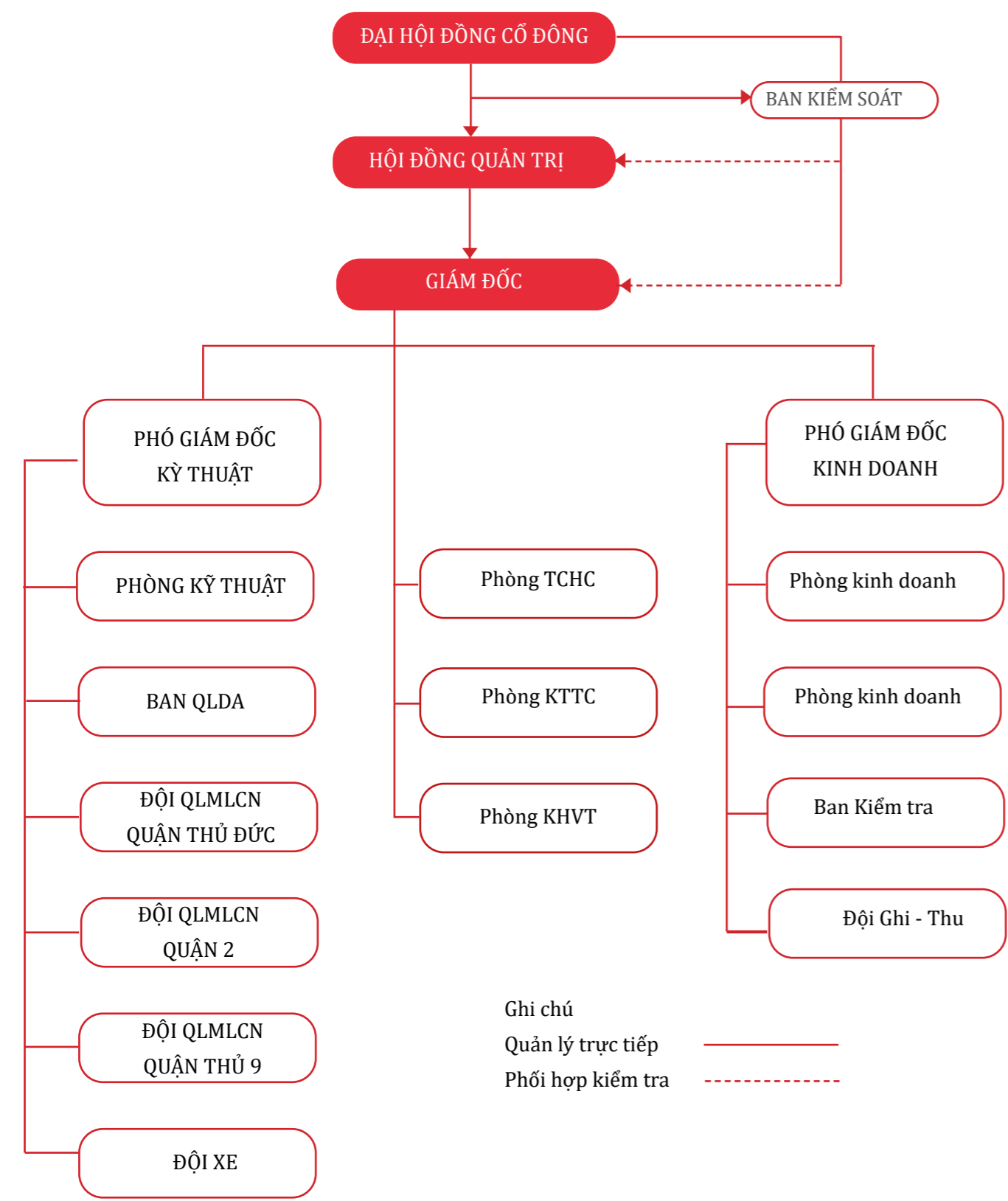
Địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu ở các khu vực đồng bằng duyên hải miền Trung và Nam Bộ.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Ngành nghề kinh doanh



Các chi nhánh trực thuộc

STT	Tên Công ty	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. HCM	2/14 - 2/16 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM.
2	Công ty Cổ phần Tấm lợp - Vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	KCN Ông Kèo, Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Công ty con, công ty liên kết: không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nâng cao tiềm lực kinh tế và chất lượng cuộc sống cộng đồng thông qua việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng vượt trội nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

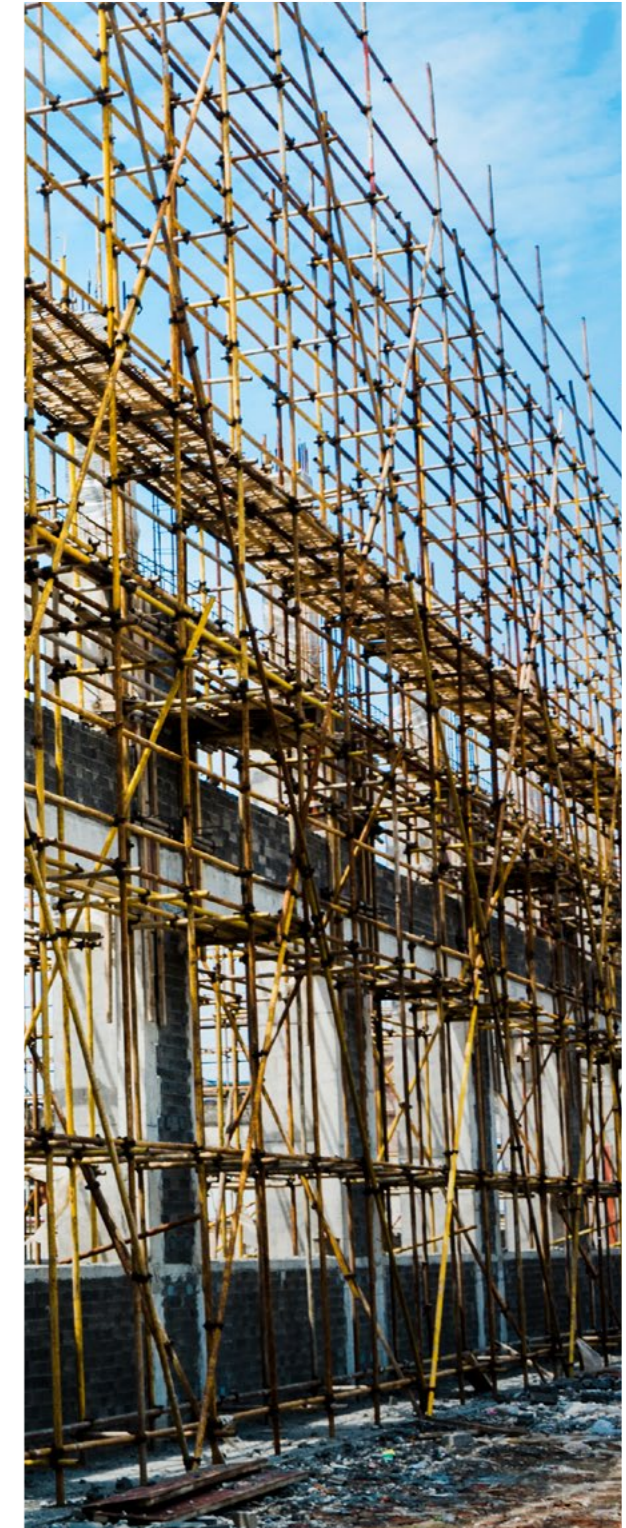
Tầm nhìn

Sứ mệnh

Giá trị cốt lõi

- Luôn mang đến cho khách hàng sự tin tưởng và an tâm với những sản phẩm chất lượng ổn định;
- Đảm bảo cho người lao động có công việc ổn định, môi trường làm việc thân thiện với mức lương cạnh tranh và có cơ hội học hỏi, phát triển;
- Quan tâm đến môi trường cộng đồng xã hội và địa phương.

- Con người là nền tảng cho sự phát triển của Công ty;
- Nhu cầu thị trường là trọng tâm trong quá trình phát triển của Công ty;
- Chủ động hợp tác, chia sẻ thông tin với khách hàng và đối tác để giải quyết công việc nhanh chóng.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng chiến lược thu mua, dự trữ nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhằm hạn chế tối đa chi phí phát sinh;
- Nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng để duy trì mối quan hệ với khách hàng cũ. Đồng thời, tích cực xây dựng thương hiệu và thâm nhập vào các phân khúc mới bằng các biện pháp tiến hành nghiên cứu thị trường;
- Thường xuyên phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC như tác động đến từ kinh tế - xã hội, chính trị, pháp luật, thị trường tài chính - tiền tệ.
- Quan tâm đến chất lượng đời sống của Cán bộ công nhân viên;
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, giá cả cạnh tranh. Đặc biệt, tăng cường các chính sách ưu đãi đối với khách hàng thân thiết và các đối tác lớn.

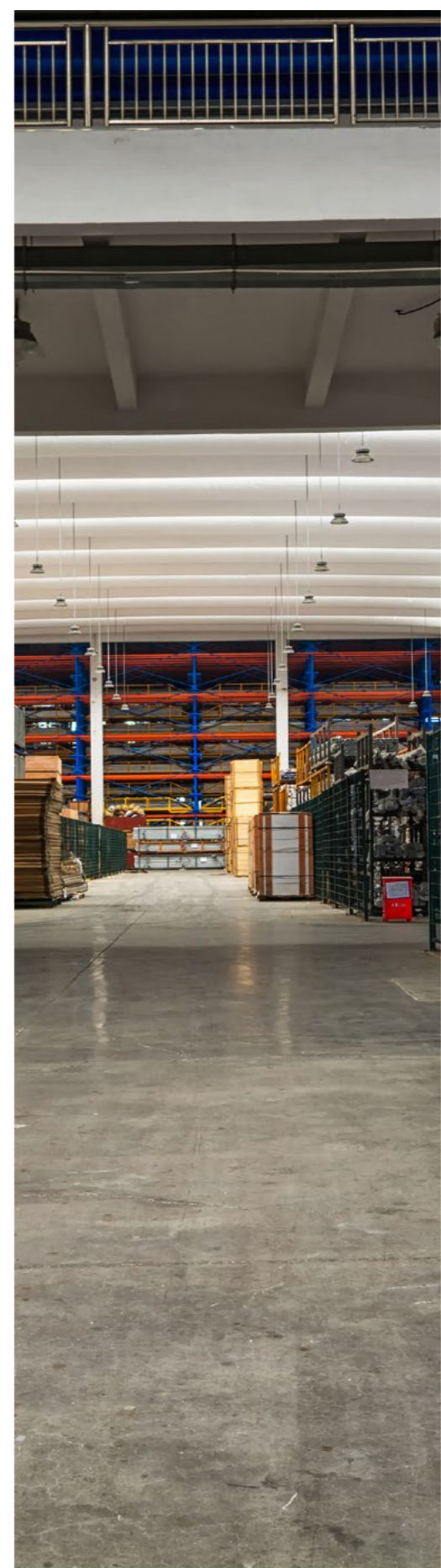
Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với môi trường

- Nhận thấy được tầm quan trọng của mình trong công tác bảo vệ môi trường, DCT đã thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường và cộng đồng trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:
- Tiêu chuẩn hoá quy trình sản xuất xi măng, tấm lợp, úp nóc, tôn sóng, cải tiến máy móc thiết bị để giảm thiểu tối đa các tác nhân gây hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường sống;
- Tuân thủ các quy định của Chính phủ về bảo vệ môi trường.

Đối với cộng đồng, xã hội

- Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình phúc lợi xã hội như: thăm hỏi gia đình Cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ vé tàu, xe công nhân không có điều kiện về quê đón Tết; tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...
- Hưởng ứng các cuộc vận động, phong trào tại địa phương như: hỗ trợ người già neo đơn, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng nhà tình thương, gây quỹ từ thiện,...



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Trái qua một năm đầy biến động do tác động tiêu cực của đại dịch Covid – 19, đặc biệt ở nửa đầu năm 2021 hoạt động giao thương giữa các quốc gia gặp khó khăn, chi phí vận chuyển đắt đỏ làm cho nền kinh tế thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng không mấy khả quan. Đến cuối năm, khi công tác thực hiện tiêm phòng Covid -19 đem lại hiệu quả cao giúp số lượng ca nhiễm và số ca tử vong giảm rõ rệt. Nhờ đó, các quốc gia trên thế giới dần mở cửa hoạt động trở lại, tạo điều kiện cho các Công ty ở Việt Nam tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu của mình.

Ở Việt Nam, làn sóng dịch Covid – 19 lần thứ 4 bùng phát mạnh mẽ vào giữa năm 2021 làm cho nền kinh tế bị tê liệt trầm trọng, mọi hoạt động đều bị tạm hoãn vô thời hạn. Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được tiếp tục vận hành, hàng loạt các doanh nghiệp đã thực hiện “3 tại chỗ” để duy trì đơn hàng hiện tại giúp Công ty vượt quá giai đoạn khó khăn này và DONAC là không ngoại lệ. Tuy vậy, kết thúc năm 2021, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Theo đó, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020 (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III tăng 6,02% và quý IV tăng 5,22%).

Tuy nhiên, Dịch Covid – 19 vẫn còn những tiềm ẩn đang hiện hữu, Do đó Công ty luôn theo dõi tình hình biến động trên thị trường để có chiến lược phát triển linh hoạt nhằm hạn chế tối đa rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Rủi ro lãi suất

Mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm trong các năm qua khi tình hình dịch bệnh Covid – 19 vẫn còn kéo dài. Trong năm 2021, mặt bằng lãi suất ổn định và lãi suất cho vay giảm, mặc dù với áp lực lạm phát như hiện nay cùng với việc các Ngân hàng trung ương lớn trên thế giới thay đổi chính sách liên tục, thậm chí là tăng lãi suất. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn đang có chủ trương tiếp tục khuyến nghị các tổ chức tín dụng cắt giảm chi phí từ nhiều nguồn khác nhau để tiếp tục giảm thêm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid – 19. Hiện nay, DONAC vẫn còn một khoản nợ đối với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM thực hiện trả lãi theo lãi suất vay thả nổi. Chính vì thế, DONAC luôn thực hiện quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để đảm bảo dự phóng được việc thanh toán lãi của mình.



Rủi ro pháp luật

DONAC là Công ty Cổ phần được đăng ký giao dịch trên UPCoM, nên chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế,... và các văn bản khác có liên quan. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn đang từng bước hoàn thiện khung pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như của các cổ đông khi tham gia góp vốn vào doanh nghiệp. Do đó, Ban lãnh đạo luôn chủ động cập nhật thông tin liên tục để đưa ra những thay đổi thích hợp, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định đề ra.



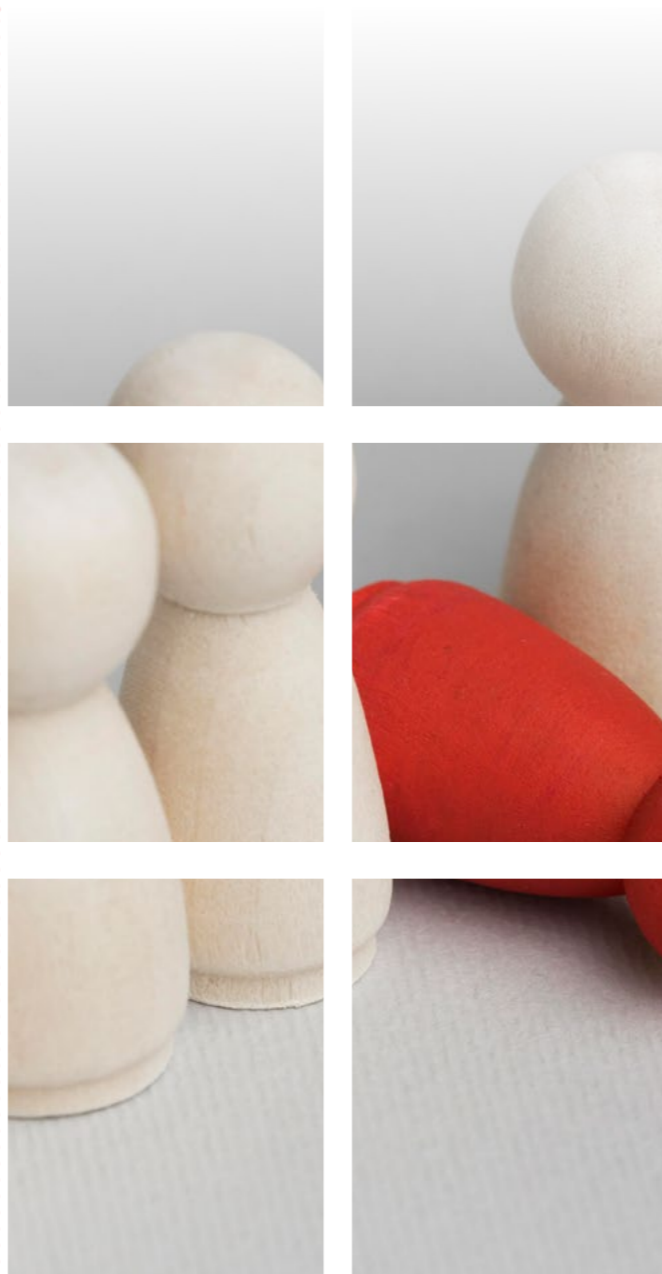
CÁC RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm tấm lợp Fibro Xi măng và vật liệu xây dựng, đây là những sản phẩm phụ trợ cho ngành Xây dựng. Chính vì thế, hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC phụ thuộc hầu hết vào sự biến động của ngành này.

Năm 2021 ngành xây dựng tăng trưởng 0,6% đây là mức tăng thấp nhất trong lịch sử 10 năm trở lại đây, giãn cách xã hội trên diện rộng cao điểm là ở Quý 3 năm, gây gián đoạn nghiêm trọng tới hoạt động thi công. Trong giai đoạn này, không chỉ các dự án nằm trong khu vực phải tạm dừng mà các dự án nằm ngoài khu vực giãn cách cũng chịu ảnh hưởng do đứt gãy chuỗi cung ứng vật tư và nhân lực. Gián đoạn này cũng khiến cho vốn đầu tư tiếp tục chững lại, gia tăng áp lực cạnh tranh trong ngành.

Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh, đặc biệt nửa đầu năm khi nhu cầu xây dựng hồi phục. Trong đó, hai loại vật liệu chiếm tỷ trọng cao nhất là thép và xi măng lần lượt khoảng 40% và 8,4% cao nhất khu vực. Do đó, Ban lãnh đạo luôn cập nhật tình hình thị trường thường xuyên nhằm đưa ra những thay đổi phù hợp với thị trường, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng giai đoạn để giữ vững hoạt động hiện tại của Công ty trước những khó khăn trên thị trường.



Rủi ro giá nguyên vật liệu đầu vào

Nguyên liệu chính sử dụng chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC là xi măng. Do đó, Công ty luôn quan tâm theo dõi sự biến động giá của giá nguyên vật liệu như aminang, clinker (chiếm tỷ trọng lớn xấp xỉ 80%), để tiến hành thu mua lượng nguyên liệu phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra nhằm chủ động kiểm soát chi phí đầu vào, gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã nêu trên, Công ty còn sẽ chịu tác động bởi các yếu tố khác như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, bão, dịch bệnh... Với vị trí địa lý hiện tại của Công ty ở khu vực Đông Nam bộ, nơi ít xảy ra các hiện tượng này, tuy nhiên hậu quả của các rủi ro này đem lại có thể gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Do đó, Công ty đã tổ chức tập huấn phòng cháy, chữa cháy định kỳ và mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
1	Doanh thu thuần	244.243	187.337	76,70%
2	Giá vốn hàng bán	218.959	160.767	73,42%
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	6	11	181,15%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(41.749)	(46.079)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	(40.964)	(46.037)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(40.964)	(46.037)	-
7	Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	(1.505)	(1.691)	-

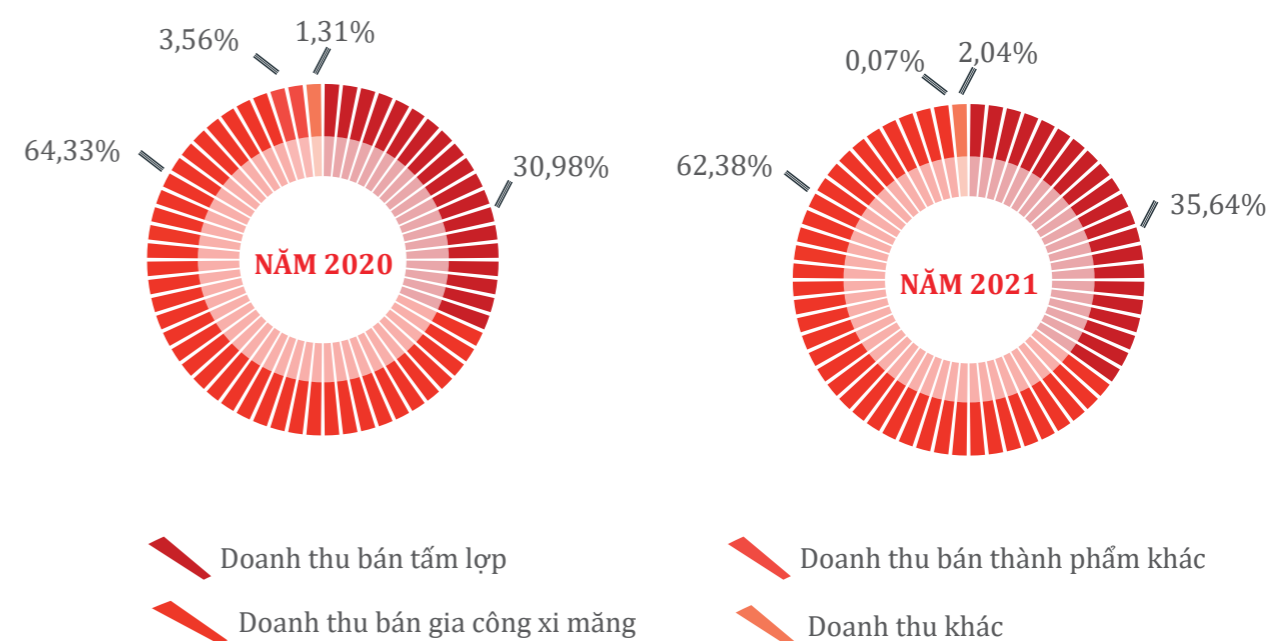
Đối mặt với tình hình biến động của đại dịch Covid - 19 trong năm 2021, việc thực hiện giãn cách theo chỉ thị của Chính phủ làm cho hoạt động kinh doanh của DONAC tiếp tục gặp nhiều khó khăn với chi phí vận chuyển nguyên liệu đầu vào và thành phẩm tăng cao. Do đó, Doanh thu thuần đạt 76,70% so với năm 2020. Bên cạnh đó, Công ty thu lãi từ tiền gửi ngân hàng giúp cho doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 81,15% giá trị này là không đáng kể so với sự sụt giảm doanh thu của Công ty trong năm.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	Năm 2021	Tỷ trọng năm 2021
1	Doanh thu bán tấm lợp	77.504	30,98%	68.531	35,64%
2	Doanh thu gia công xi măng	160.955	64,33%	119.955	62,38%
3	Doanh thu bán thành phẩm khác	8.916	3,56%	139	0,07%
4	Doanh thu khác	3.282	1,31%	3.929	2,04%
5	Tổng cộng	250.206	100%	192.308	100%

Nhìn chung, Doanh thu đến từ các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đều có xu hướng giảm so với năm 2020, tuy nhiên tỷ trọng Doanh thu bán tấm lợp của Công ty vẫn được duy trì và tăng 5,64% so với năm 2020. Nhờ vào sự liên kết với các bên có liên quan là Công ty Cổ phần Xi măng Công thanh, doanh thu vận chuyển hàng hóa tăng từ 476 triệu đồng năm 2020 lên 1.292 triệu đồng tương đương tăng 171,43% hỗ trợ phần nào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC trong lúc nền kinh tế đang bị đóng băng và rơi vào khủng hoảng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành Tính tại ngày 31/12/2021

Ông LÊ THÂN
 Tổng Giám đốc
 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Ông NGUYỄN VĂN QUÝ
 Phó Tổng Giám đốc
 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Bà TRẦN THỊ MỘNG THU
 Phó Giám đốc thường trực
 Quốc tịch: Việt Nam Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2021

Trong năm 2021, DONAC không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	112	100%
2	Đại học	8	7,14%
3	Cao đẳng	2	1,79%
4	Trung cấp	8	7,14%
5	Công nhân kỹ thuật	8	7,14%
6	Khác	86	76,79%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	112	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	79	70,54%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	33	29,46%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	138	130	122	112
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.627.174	6.936.077	6.992.541	6.512.621



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

Chính sách nhân sự

Về tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo kế hoạch hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn. DONAC xây dựng chính sách tuyển dụng đề cao năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm của ứng viên phù hợp với vị trí tuyển dụng; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính thông qua quá trình tuyển chọn công bằng và khách quan.

Về đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân sự là ưu tiên hàng đầu của DONAC với chủ trương nâng cao kỹ năng chuyên môn, đồng thời xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp. Công ty luôn có những chính sách khuyến khích nhân viên chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu hằng năm phù hợp với tính chất công việc của người lao động.

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Trong quá trình hình thành và phát triển của DONAC, chính sách phúc lợi cho các bộ công nhân viên liên tục được cập nhật để phù hợp với quy định của pháp luật mà vẫn đạt mục tiêu của Công ty là tạo điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó lâu dài, duy trì văn hoá Công ty. Vì vậy, Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng theo nguyên tắc nhất quán nhằm đảm bảo công bằng, phù hợp với trình độ, năng lực, hiệu suất, chất lượng công việc của mỗi cá nhân.

Đảm bảo cán bộ công nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo Bộ Luật lao động Việt Nam: Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp,... và tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên tại bệnh viện uy tín nhằm nâng cao, cải thiện sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên.

Môi trường công việc

Công ty luôn cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, quy định về an toàn lao động cho công nhân viên trực tiếp tham gia trong quá trình sản xuất. Đồng thời tạo môi trường làm việc thoải mái, vui vẻ, cạnh tranh lành mạnh và tổ chức các hoạt động như văn nghệ, thể thao cho cán bộ công nhân viên,... nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, thân thiện giữa các nhân viên.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	2021/2020(%)
1	Doanh thu thuần	244.243	187.337	76,70%
2	Giá vốn hàng bán	218.959	160.767	73,42%
3	Doanh thu từ hoạt động tài chính	6	11	181,15%
4	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(41.749)	(46.079)	-
5	Lợi nhuận trước	(40.964)	(46.037)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(40.964)	(46.037)	-
7	Lợi nhuận sau thuế	(1.505)	(1.691)	-

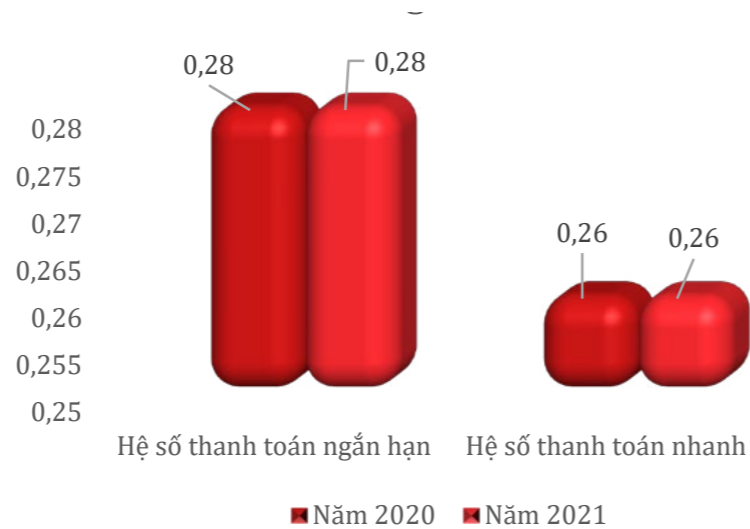
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,28	0,28
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,26	0,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	126,11%	131,48%
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	-	-
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	10,39	8,45
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,33	0,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-16,77	-24,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	23,67	19,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	-5,56	-6,13
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-17,09	-24,60

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

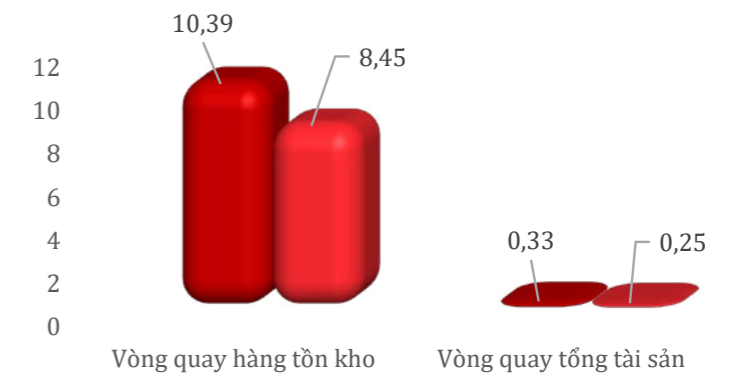
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của DONAC không có sự biến động trong 2021. Đối với hệ số ngắn hạn, DONAC phát sinh tăng khoản phải thu đến từ Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh và tăng 23,43% so với cùng kỳ năm 2020 làm cho giá trị tài sản ngắn hạn đạt 277 tỷ đồng, đồng thời giá trị nợ ngắn hạn cũng tăng tương ứng. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán toán nhanh cũng không biến động tương ứng do giá trị hàng tồn kho tăng 24,39% so với cùng kỳ năm 2021.



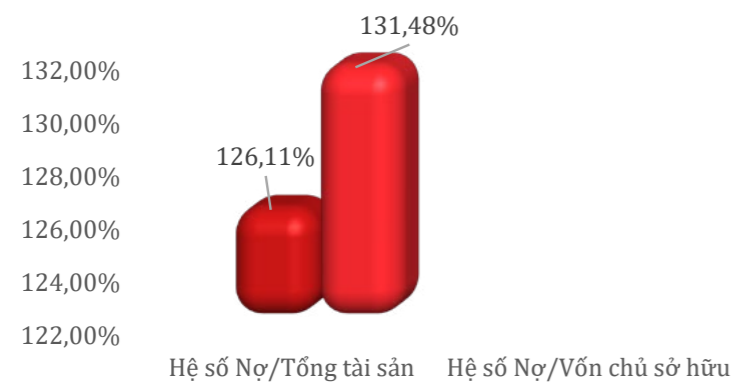
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, hoạt động bán hàng của DONAC cũng gặp khó khăn với vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đều giảm và lần lượt đạt 8,45 vòng và 0,25 vòng. Nguyên nhân là do giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán bình quân đồng thời giảm và lần lượt đạt 19 tỷ đồng và 189 tỷ đồng. Ngoài ra, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty cũng bị ảnh hưởng khi giá trị doanh thu đạt 250 tỷ đồng giảm 31% so với năm 2020.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2021, hệ số nợ/ tổng tài sản của Công ty tăng từ 126,11% lên 131,48% với khoản vay ngắn hạn tăng do việc kết chuyển lãi vay từ khoản vay dài hạn (do tới hạn thanh toán) và thanh toán với lãi suất vay thả nổi làm cho khoản nợ ngắn hạn tăng 27% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương tăng 109 tỷ đồng và khoản vay dài hạn giảm tương ứng khiến cho giá trị nợ phải trả của Công ty tăng 7,04% so với cùng kỳ năm 2020; trong khi đó giá trị tổng tài sản chỉ tăng nhẹ.

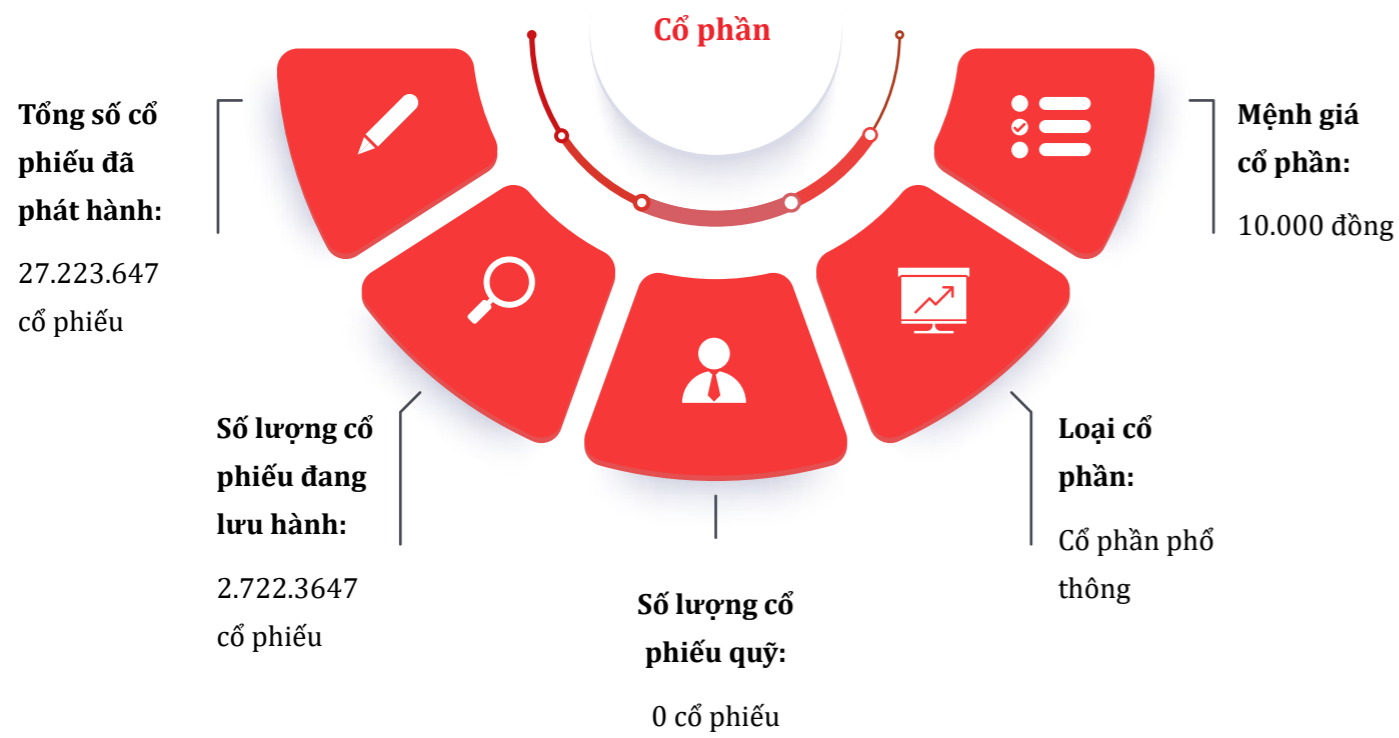


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2021, Công ty đang nỗ lực cải thiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 các chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty vẫn tiếp tục lở.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)



Cơ cấu cổ đông

(Tính tại ngày 04/05/2021)

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ Nhà nước	3.402.366	34.023.660.000	12,5%
II	Cổ đông trong nước	23.705.644	237.056.440.000	87,07%
1	Cá nhân	23.656.502	236.565.020.000	86,90%
2	Tổ chức	49.142	491.420.000	0,17%
II	Cổ đông nước ngoài	115.637	1.156.370.000	0,42%
1	Trong nước	110.472	1.104.720.000	0,41%
2	Nước ngoài	5.165	51.650.000	0,01%
Tổng cộng		27.223.647	272.236.470.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Tính đến nay, Công ty hiện không sở hữu cổ phiếu quỹ, nên không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ nào trên thị trường.

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào giữ vai trò quan trọng đối với kết quả sản xuất của Công ty. Do vậy, Ban lãnh đạo luôn chú trọng quan tâm, kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu này dựa trên 2 yếu tố giá cả và chất lượng. Để thực hiện điều đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới nhằm tối đa hóa lợi nhuận mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường bằng cách đảm bảo việc xử lý chất thải đúng quy trình, trồng cây xanh trong khuôn viên Công ty nhằm hạn chế chất thải ra môi trường và thanh lọc không khí.

Tiêu thụ năng lượng

Ban lãnh đạo đang từng bước thực hiện công nghệ hóa trong quá trình sản xuất, góp phần tiêu thụ nguồn năng lượng hiệu quả và hạn chế tối đa các tác nhân gây ô nhiễm môi trường thải ra bên ngoài và khuyến khích cán bộ công nhân viên sử dụng nguồn năng lượng hợp lý và hiệu quả.



Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

Trực tiếp:

Hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập của Công ty là sản xuất xi măng, tấm lợp. Việc thực hiện nung, nghiền xi măng thải ra lượng bụi và các chất khí thải khác ra môi trường. Tuy nhiên, Công ty luôn đặt vấn đề môi trường và cộng đồng lên hàng đầu, nên trong quy trình sản xuất đều được lắp đặt đầy đủ hệ thống lọc bụi, xử lý khí thải nhằm giảm thiểu tối đa tác nhân gây hại ra môi trường bên ngoài, cũng như sức khỏe cho người dân trong khu vực.

Gián tiếp:

Nguồn năng lượng phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là điện năng. Đây là nguồn năng lượng chính trong quá trình vận hành các máy móc thiết bị sản xuất và hỗ trợ cho các khu vực văn phòng. Do vậy, Công ty luôn phân bổ nguồn điện hợp lý cho từng bộ phận, đồng thời thực hiện công tác tuyên truyền cho toàn thể cán bộ công nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm điện tại cơ quan và ở nhà.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Chính sách liên quan đến người lao động

bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

DONAC luôn quan tâm tới hệ thống phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, vì vậy chính sách lao động luôn được Ban lãnh đạo quan tâm và chú ý đến. Cụ thể, cán bộ công nhân viên của Công ty được hưởng những chính sách như: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe tổng quát, định kỳ hằng năm. Đồng thời thực hiện chính sách chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên thông qua hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cải thiện tinh thần đời sống cho mỗi cá nhân trong Công ty.

Thực hiện trang bị đồ bảo hộ cho người lao động, nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất tại máy. Tiếp tục chủ trương đoàn kết, tương thân, tương ái giúp xây dựng tinh thần đoàn kết trong nội bộ Công ty và ngày càng phát triển vững mạnh hơn nữa.

Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung đội ngũ nhân lực phù hợp với yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của từng phòng ban, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Xem xét, đề cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ.



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng người lao động của Công ty trong năm 2021 duy trì ở mức 112 người với mức lương trung bình đạt 6,5 triệu đồng/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào giữ vai trò quan trọng đối với kết quả sản xuất của Công ty. Do vậy, Ban lãnh đạo luôn chú trọng quan tâm, kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu này dựa trên 2 yếu tố giá cả và chất lượng. Để thực hiện điều đó, Công ty luôn chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu mới nhằm tối đa hóa lợi nhuận mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UB-CKNN

Không có



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**Đánh giá kết quả hoạt động
sản xuất kinh doanh năm 2021**

Tình hình tài chính

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách - quản lý**

Kế hoạch phát triển trong tương lai

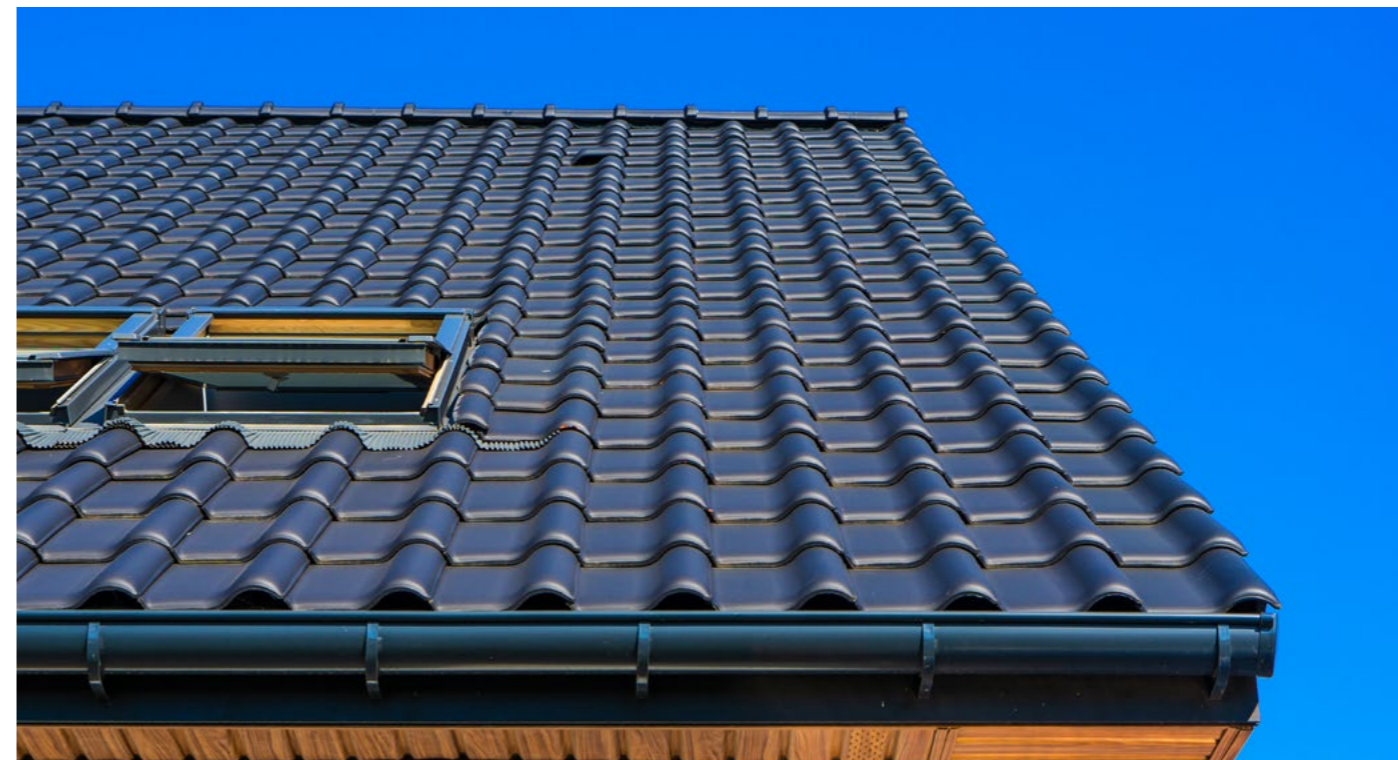
**Báo cáo đánh giá liên quan đến
trách nhiệm về môi trường và xã hội**

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi và khó khăn trong năm 2021

Thuận lợi

- Được sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của các tổ chức có liên quan và Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào được khởi sắc đặc biệt trước thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị của Chính Phủ
- Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ;
- Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh có tính cạnh tranh cao;
- Nhận được sự tin tưởng và ủng hộ từ các cổ đông, các đối tác, khách hàng các Cơ quan quản lý Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương.



Khó khăn

- Sản phẩm chính của DONAC là tấm lợp, xi măng và vật liệu xây dựng, đây là ngành phụ trợ của ngành xây dựng. Trong đợt dịch COVID-19 lần thứ 4 đã tác động tiêu cực đến ngành Xây dựng khiến chuỗi cung ứng bị đứt gãy làm cho chi phí đầu vào gia tăng;
- Nhiều công trình, dự án trên cả nước đều phải dừng xây dựng, thi công vì giãn cách xã hội. Điều này cũng đã làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trong bối cảnh khó khăn và thực hiện theo lệnh giãn cách, của Chính phủ, Công ty bị động trong hoạt động lưu chuyển dòng tiền, tuy nhiên việc thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên vẫn được đảm bảo. Do đó, gây khó khăn trong việc tính toán duy trì hoạt động của Công ty.

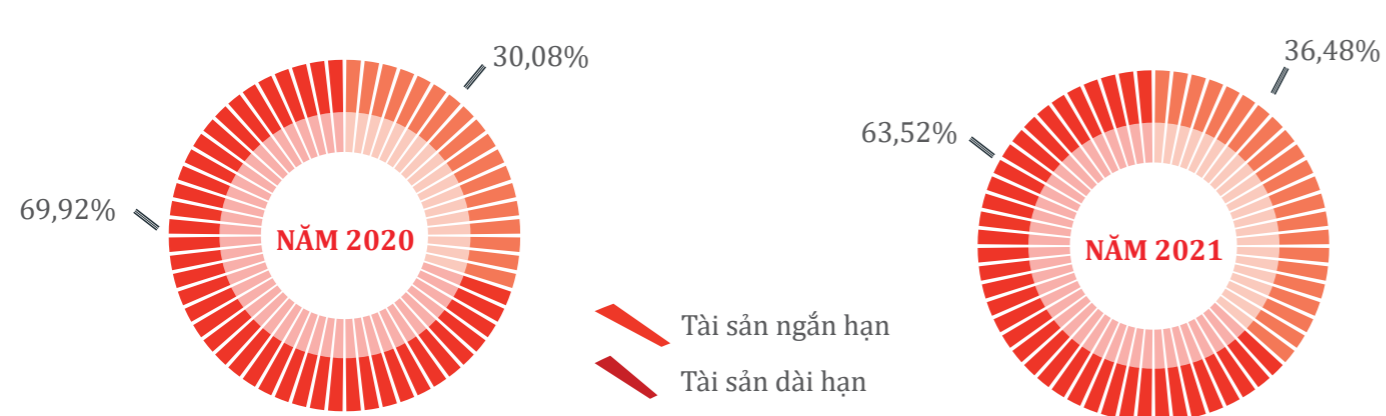
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	222.964	277.614	124,51%	30,08%	36,48%
Tài sản dài hạn	518.185	483.294	93,27%	69,92%	63,52%
Tổng cộng	741.150	760.908	102,67%	100,00%	100,00%

Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm 2021 có sự biến động chủ yếu ở phần tài sản ngắn hạn, giá trị tài sản trong ngắn hạn tăng 54 tỷ đồng tương đương tăng 24,51% so với năm 2020, do Công ty phát sinh thêm khoản phải thu đến từ Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh làm cho khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 46 tỷ đồng tương đương tăng 23,43% so với cùng kỳ năm 2020. Chính vì vậy, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn tăng từ 30,08% lên 36,48% năm 2021 và tỷ trọng tài sản dài hạn trong năm ở mức 63,52%.

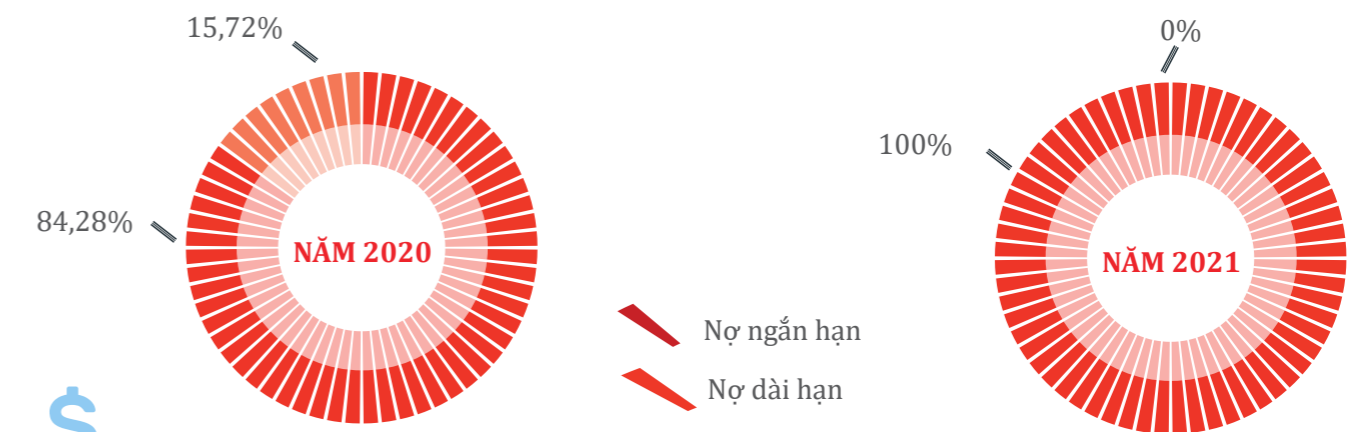


Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	787.718	1.000.417	127,00%	84,28%	100,00%
Nợ dài hạn	146.954	49.020	33,36%	15,72%	0%
Tổng nợ phải trả	934.672	1000.467	107,04%	100,00%	100,00%

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DONAC chủ yếu được tài trợ bằng khoản nợ trong ngắn hạn, với khoản vay dài hạn tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh TP.HCM để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm, thực hiện lãi suất vay thả nổi và trong năm khoản vay dài hạn này đến hạn trả công ty đã kết chuyển khoản lãi này sang nợ ngắn hạn, làm giá trị nợ vay ngắn hạn tăng 27% và tỷ trọng nợ dài hạn của Công ty là không đáng kể.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH - QUẢN LÝ

Năm 2021, Ban lãnh đạo Công ty đã nắm bắt kịp thời xu thế vận động của thị trường và tiến hành thực hiện thay đổi mạnh mẽ và quyết liệt trong việc xây dựng bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả, tránh được chông chéo, vận hành hiệu quả

- Tiếp tục tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính đã có năng lực và thế mạnh; tiếp tục sản xuất Xi măng theo hợp đồng đã ký.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, tập trung và có cơ chế kiểm soát.
- Phát huy được hết năng lực của từng cá nhân và cán bộ quản lý đồng thời linh hoạt thực hiện các công việc của phòng ban mình và kết nối với các phòng phù hợp mới cơ cấu tổ chức mới, đồng thời tăng cường tính kiểm soát, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, nâng cao hiệu quả công việc.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022
Sản xuất			
- Tấm lợp	m ²	2.034.629	2.500.000
- Xi măng	Tấn	431.396	600.000
Tiêu thụ			
- Tấm lợp	m ²	2.085.613	2.500.000
- Xi măng	Tấn	431.396	600.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Tỷ đồng	187	257
EBITDA	Tỷ đồng	26	30
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(46)	(22.5)

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Trách nhiệm đối với môi trường

Công ty tiếp tục thực hiện công tác kiểm định chất lượng hệ thống xử lý chất thải nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải độc hại ra môi trường, cộng đồng.

Thực hiện tiết kiệm điện năng cũng được Ban lãnh đạo quan tâm, vì việc sử dụng điện sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến nguồn tài nguyên quốc gia. Trong năm, Công ty luôn có chính sách sử dụng nguồn năng lượng hợp lý cho từng bộ phận nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng quốc gia và cũng như giúp Công ty tiết kiệm chi phí.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

DONAC tự hào khi đang sở hữu đội ngũ nhân lực năng động, chuyên nghiệp và có chuyên môn cao, đây cũng là nền tảng cốt lõi giúp Công ty phát triển bền vững. Vì vậy, Ban lãnh đạo luôn cố gắng tạo môi trường tốt nhất cho người lao động, hạn chế tối thiểu những ảnh hưởng xấu của môi trường đến sức khỏe người lao động. Bên cạnh đó, chính sách phúc lợi đối với người lao động cũng được nâng cao nhằm giữ chân và thu hút nhân tài đến Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động cộng đồng từ lâu đã trở thành một phần không thể tách rời trong hoạt động của DONAC. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động vì lợi ích cộng đồng, hợp tác với các tổ chức từ thiện hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong địa phương, đồng thời giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường sống xung quanh khu vực sản xuất kinh của Công ty bằng cách trồng cây xanh, thường xuyên tưới nước chống bụi,...





BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Đánh giá của Hội đồng quản trị
về các mặt hoạt động của Tổng Công ty**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị
về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

**Các kế hoạch, định hướng
của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đối mặt với những khó khăn của dịch bệnh Covid -19, Ban lãnh đạo cùng người lao động đã nỗ lực vượt qua khó khăn trước mắt. Với phương châm không để người lao động mất việc hay giảm việc. DONAC đã thực hiện hỗ trợ dụng cụ phòng dịch cho cán bộ công nhân viên như: khẩu trang, nước rửa tay, dụng cụ bảo hộ lao động và hỗ trợ các gia đình bị nhiễm Covid... Chính điều này, đã tạo được sự an tâm cho người lao động, ổn định sản xuất trong suốt thời gian dịch bệnh diễn ra.



Cơ cấu tổ chức được giữ ổn định nhằm đáp ứng được yêu cầu của sản xuất kinh doanh đồng thời thực hiện phương án “ 3 tại chỗ” để đảm bảo đơn hàng đi kịp tiến độ. Đời sống của cán bộ công nhân viên ổn định, mọi người yên tâm công tác và không ngừng cố gắng đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành và quản trị Công ty giúp DONAC vượt qua những khó khăn do sự ảnh hưởng của dịch Covid – 19. Ban Giám đốc đã duy trì hoạt động thống nhất và xây dựng tốt tinh thần đoàn kết trong tập thể; phân công, giao việc khoa học và hiệu quả; các thành viên làm việc năng nổ, quyết đoán và chuyên nghiệp trong công việc. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc phát huy tốt vai trò truyền lửa đến cho đội ngũ nhân viên thúc đẩy tính sáng tạo và không ngừng học hỏi trong công việc và trong các hoạt động đoàn thể.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị tiếp tục lãnh đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng Nghị quyết đã thông qua Đại hội đồng cổ đông của DONAC đồng thời đưa ra phương án thực hiện cụ thể đối với các nội dung. Chấp hành quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường... và theo dõi tình hình biến động của thị trường để có phương án ứng phó kịp thời.
- Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với sự biến động của nền kinh tế.
- Triển khai thực hiện công tác quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào song song với hoạt động sản xuất hơn 1 triệu tấn xi măng do Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh bao tiêu.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cuộc họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Nguyễn Công Lý	Chủ tịch HĐQT	02/02	100%
2	Nguyễn Bá Thuần	Thành viên HĐQT	02/02	100%
3	Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên HĐQT	02/02	100%

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2021

Ông NGUYỄN CÔNG LÝ

Chủ tịch HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Ông NGUYỄN BÁ THUẦN

Thành viên HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Ông NGUYỄN THỊ THẢO MAI

Thành viên HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Danh sách Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2021

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/HĐQT-QĐ/2020	09/03/2021	Kê hoạch trả nợ nhà cung cấp, ngân hàng
2	01/ĐHCĐ-NQ/2020	26/06/2021	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có



BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cuộc họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Nguyễn Thị Thuỳ Vy	Trưởng Ban kiểm soát	01/01	100%
2	Phạm Đức Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	01/01	100%
3	Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên Ban kiểm soát	01/01	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chấp hành điều lệ công ty của Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo trong quá trình điều hành sản xuất và kinh doanh.
- Đã có những đóng góp cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất và kinh doanh cũng như việc đảm bảo nguồn vốn để duy trì sản xuất.
- Xem xét các báo cáo tài chính của phòng kế toán, phân tích và đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
- Xem xét báo cáo kiểm toán và thư quản lý của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát thường xuyên đóng góp ý kiến với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong điều hành sản xuất và kinh doanh.
- Ban Kiểm soát đã được cung cấp thông tin về hoạt động của Hội đồng quản trị và ban lãnh đạo Công ty. Được cung cấp các số liệu về sản xuất kinh doanh và sử dụng các nguồn vốn.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao và các khoản lợi ích

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt gồm lương và các khoản thưởng với tổng tiền tổng tiền trong năm 2021 là 948.909.990 triệu đồng.

STT	Thành viên	Chức vụ	Lương	Thưởng
1	Lê Thân	Tổng Giám đốc	300.883.105	2.000.000
2	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	382.553.239	2.000.000
3	Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	118.983.684	2.000.000

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Công ty có cùng chủ tịch HĐQT	03041863356	Thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	2021	Mua nguyên vật liệu và thành phẩm: 14.882.187.060 đồng Mua xi măng: 13.203.878.636 đồng

Quản trị Công ty 2021

DONAC luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tắm lợi Vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Tắm lợi Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 383 6130
- Fax : +84 (0251) 383 6023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tắm lợi Vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tắm lợi Vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Thuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Vĩ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019
Bà Trần Thị Mộng Thu	Phó Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

0300
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 1.0800/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ 46.037.189.112 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 611.226.549.644 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 239.558.625.243 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 722.803.922.889 VND. Những điều kiện này cho thấy yếu tố rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hiện nay, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1



Lê Trần Khánh Sơn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4757-2019-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		277.613.607.886	222.964.764.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.027.929.960	4.174.708.161
1. Tiền	111	V.1	8.027.929.960	4.174.708.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.473.610.868	201.824.051.040
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	244.712.598.109	198.267.658.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.451.986.391	3.327.412.719
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	465.486.368	385.439.823
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(156.460.000)	(156.460.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		21.103.802.361	16.966.005.031
1. Hàng tồn kho	141	V.6	21.103.802.361	16.966.005.031
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.264.697	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	8.264.697	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		483.294.317.646	518.185.440.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		483.294.317.646	517.162.594.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	476.705.283.797	510.331.854.817
- Nguyên giá	222		1.068.719.658.598	1.068.719.658.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(592.014.374.801)	(558.387.803.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.589.033.849	6.830.739.961
- Nguyên giá	228		9.667.346.689	9.667.346.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.078.312.840)	(2.836.606.728)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	1.022.845.959
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.022.845.959
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		760.907.925.532	741.150.204.969

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.000.466.550.775	934.671.641.100
Nợ ngắn hạn	310		1.000.417.530.775	787.717.905.968
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	36.021.700.600	34.618.880.602
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36.322.988	40.322.988
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.949.231.009	4.836.102.298
Phải trả người lao động	314	V.13	2.492.332.373	1.752.247.683
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a,c	495.735.029.199	391.857.264.598
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a,c	464.157.270.145	354.587.443.338
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.644.461	25.644.461
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		49.020.000	146.953.735.132
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.14b,c	49.020.000	37.383.908.325
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b,c	-	109.569.826.807
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

 SỔ TÀI CHÍNH
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(239.558.625.243)	(193.521.436.131)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(239.558.625.243)	(193.521.436.131)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.236.470.000	272.236.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	22.694.204.001	22.694.204.001
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	(611.226.549.644)	(565.189.360.532)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(565.189.360.532)	(565.189.360.532)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(46.037.189.112)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		760.907.925.532	741.150.204.969

 Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng/Người lập

 Lê Thân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	192.307.556.969	250.205.998.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.970.670.272	5.963.227.726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		187.336.886.697	244.242.770.783
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	160.767.025.706	218.959.364.797
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.569.860.991	25.283.405.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10.887.601	6.010.146
7. Chi phí tài chính	22		66.481.383.786	59.789.711.868
Trong đó: chi phí lãi vay	23		66.481.383.786	59.789.711.868
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	269.705.983	704.429.432
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.909.052.932	6.544.653.983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(46.079.394.109)	(41.749.379.151)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	207.532.464	785.771.435
12. Chi phí khác	32	VI.8	165.327.467	4.355
13. Lợi nhuận khác	40		42.204.997	785.767.080
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(46.037.189.112)	(40.963.612.071)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(46.037.189.112)	(40.963.612.071)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	(1.691)	(1.505)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	(1.691)	(1.505)

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022


 Lê Thân
 Tổng Giám đốc

 Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
 Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(46.037.189.112)	(40.963.612.071)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	33.868.277.132	34.107.371.908
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	-	(252.503.556)
- Chi phí lãi vay	06		66.481.383.786	59.789.711.868
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54.312.471.806	52.680.968.149
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.657.824.525)	(50.879.870.847)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.137.797.330)	8.206.703.055
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(577.971.431)	(8.356.473.307)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.022.845.959	1.022.961.996
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.961.724.479	2.674.289.046
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,8,11a	(108.502.680)	(654.630.577)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	359.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(108.502.680)	(295.539.668)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a,b	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.853.221.799	2.378.749.378
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.174.708.161	1.795.958.783
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.027.929.960	4.174.708.161

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tầm lốp và xây lắp; dịch vụ thương mại; khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm so với năm trước nguyên nhân chính là do số lượng và đơn giá gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành giảm.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tầm Lốp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai	Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

9. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 172 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 136 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí xây dựng tuyến đường đê tại Khu công nghiệp Ông Kèo phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 8,5 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 2%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

372
TY
HỮU
TU
C
10%

C. T. C. T. C.
NG
NG
MINH
HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	377.021.930	290.591.864
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.650.908.030	3.884.116.297
Cộng	8.027.929.960	4.174.708.161

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	242.536.366.251	196.245.572.343
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	242.536.366.251	196.245.572.343
Phải thu các khách hàng khác	2.176.231.858	1.977.086.155
Các khách hàng khác	2.176.231.858	2.022.086.155
Cộng	244.712.598.109	198.267.658.498

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành	1.200.000.000	1.200.000.000
FM Trading Company Limited	1.190.000.000	1.140.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.061.986.391	987.412.719
Cộng	3.451.986.391	3.327.412.719

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	192.180.191	-	163.113.525	-
Ký quỹ	31.300.000	-	31.300.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	242.006.177	-	191.026.298	-
Cộng	465.486.368	-	385.439.823	-

5. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		70.348.438.011	70.348.438.011	101.481.364.229	101.481.364.229
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	70.348.438.011	70.348.438.011	101.481.364.229	101.481.364.229
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	99.905.132.781	99.905.132.781	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		3.652.217.630	3.495.757.630	2.889.980.610	2.733.520.610
Phải thu khách hàng khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	401.170.072	401.170.072	300.000.000	300.000.000
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	699.846.899	699.846.899	180.000.002	180.000.002
	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	180.000.002	180.000.002	124.999.998	124.999.998
	Trên 03 năm	301.254.317	301.254.317	176.254.319	176.254.319
Các khoản trả trước cho người bán khác	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	31.790.000	31.790.000	-	-
	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	269.003.291	269.003.291	331.312.291	331.312.291

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
		Giá trị có thể thu hồi		Giá trị có thể thu hồi
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	37.191.000
Trên 03 năm	1.740.223.000	1.583.763.000	Trên 03 năm	1.740.223.000
Các khoản phải thu khác	Trên 03 năm	28.930.049	Trên 03 năm	28.930.049
Cộng		74.000.655.641		104.400.274.888

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	156.460.000	156.460.000
Số cuối năm	156.460.000	156.460.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.442.003.976	-	11.751.620.927	-
Công cụ, dụng cụ	173.550.834	-	125.691.501	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.023.174	-	24.950.888	-
Thành phẩm	7.460.224.378	-	5.063.741.715	-
Cộng	21.103.802.361	-	16.966.005.031	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Nguyên giá	491.120.395.168	524.300.478.850	48.731.997.119	4.566.787.461
Số đầu năm	491.120.395.168	524.300.478.850	48.731.997.119	4.566.787.461	1.068.719.658.598
Số cuối năm	491.120.395.168	524.300.478.850	48.731.997.119	4.566.787.461	1.068.719.658.598
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	34.069.123.120	74.351.642.108	37.321.620.067	4.186.969.279	149.929.354.574
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	198.235.375.506	313.526.482.921	42.151.556.706	4.474.388.648	558.387.803.781
Số đầu năm	12.458.183.072	20.038.182.912	1.081.283.200	48.921.836	33.626.571.020
Khấu hao trong năm	210.693.558.578	333.564.665.833	43.232.839.906	4.523.310.484	592.014.374.801
Số cuối năm	292.885.019.662	210.773.995.929	6.580.440.413	92.398.813	510.331.854.817
Giá trị còn lại	280.426.836.590	190.735.813.017	5.499.157.213	43.476.977	476.705.283.797
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 412.774.772.915 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh V.15b).

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	548.702.660	9.667.346.689
Số cuối năm	9.118.644.029	548.702.660	9.667.346.689
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	507.502.660	507.502.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.308.504.058	528.102.670	2.836.606.728
Khấu hao trong năm	233.466.108	8.240.004	241.706.112
Số cuối năm	2.541.970.166	536.342.674	3.078.312.840
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.810.139.971	20.599.990	6.830.739.961
Số cuối năm	6.576.673.863	12.359.986	6.589.033.849
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp 10%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ tính thuế được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2017	119.706.772.029
Năm 2020	40.676.563.297
Năm 2021	45.595.620.683
Cộng	205.978.956.009

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

04496
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
 T.Đ.C

018
 CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
 T.Đ.C

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
11. Phải trả người bán
11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực	4.790.593.246	7.135.441.958
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	5.688.872.455	4.704.323.812
Công ty TNHH Thương mại Thái Sơn	3.531.374.000	2.104.726.400
Các nhà cung cấp khác	17.178.760.899	15.842.288.432
Cộng	36.021.700.600	34.618.880.602

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú	4.832.100.000	4.832.100.000
Các nhà cung cấp khác	2.832.937.292	512.146.990
Cộng	7.665.037.292	5.429.853.890

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.793.471.415	-	6.844.136.910	(9.688.377.316)	1.949.231.009	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	(32.110.756)	-	8.264.697
Thuế tài nguyên	23.846.059	-	162.223.895	(181.008.719)	-	-
Thuế môn bài	18.784.824	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	4.836.102.298	-	7.010.360.805	(9.905.496.791)	1.949.231.009	8.264.697

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước:	5%
- Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu:	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(46.037.189.112)	(40.963.612.071)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	441.568.429	287.048.774
Thu nhập chịu thuế	(45.595.620.683)	(40.676.563.297)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(45.595.620.683)	(40.676.563.297)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt:	3%
- Sử dụng nước dưới đất:	8%

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 356 m² đất đang sử dụng tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với mức 24.000 VND/m²/năm theo quy định tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đơn giá thu tiền thuê đất để xây dựng Trạm bơm nước tại phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 11, 12 và 13 năm 2021 phải trả người lao động.

14. Phải trả khác
14a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	38.158.815	82.268.920
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	162.877.767	-
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.263.285.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - lãi vay phải trả	467.401.551.129	363.556.259.018
Các khoản nhận ký quỹ	20.000.000	49.020.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	849.155.813	906.430.985
Cộng	495.735.029.199	391.857.264.598

14b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - lãi vay phải trả dài hạn	-	37.363.908.325
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	49.020.000	20.000.000
Cộng	49.020.000	37.383.908.325

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Khoản lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 430.037.642.804 VND đã quá hạn chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

Đây là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

Số đầu năm	354.587.443.338
Kết chuyển từ vay dài hạn	109.569.826.807
Số cuối năm	464.157.270.145

15b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thành ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được thay đổi theo chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	464.157.270.145	354.587.443.338
Trên 1 năm đến 5 năm	-	109.569.826.807
Cộng	464.157.270.145	464.157.270.145

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	109.569.826.807
Kết chuyển nợ sang vay dài hạn đến hạn trả	(109.569.826.807)
Số cuối năm	-

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Khoản gốc vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 354.587.443.338 VND đã quá hạn dưới 01 năm chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(524.225.748.461)	(152.557.824.060)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(40.963.612.071)	(40.963.612.071)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(565.189.360.532)	(193.521.436.131)
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(565.189.360.532)	(193.521.436.131)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(46.037.189.112)	(46.037.189.112)
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	22.694.204.001	(611.226.549.644)	(239.558.625.243)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	34.023.660.000	34.023.660.000
Ông Nguyễn Công Lý	57.200.000.000	57.200.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	37.148.600.000	37.148.600.000
Các cổ đông khác	143.864.210.000	143.864.210.000
Cộng	272.236.470.000	272.236.470.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu phổ thông	27.223.647	27.223.647
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

17a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.796.710.967	1.796.710.967
Trên 1 năm đến 5 năm	7.186.843.867	7.186.843.867
Trên 5 năm	44.386.412.972	46.208.078.257
Cộng	53.369.967.806	55.191.633.091

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất với diện tích 90.024,6 m² và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 7.858 VND/m²/năm (đơn giá này được áp dụng cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2020). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến từ ngày 12 tháng 4 năm 2051.

17b. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư nhận gia công của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành như sau:

Chủng loại	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Clinker	Tấn	2.921,40	1.912,36
Đá vôi	Tấn	96,76	661,74
Vỏ bao xi măng	Cái	23.170,00	113.965

17c. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	44,02	44,02
Euro (EUR)	374,30	374,30

000
 CÔNG
 CỔ P
 TẮM
 LỢI
 ĐỒNG
 HOÀ

78
 G1
 HẢ
 L
 (V)
 JN
 T

00449
 CÔNG
 H NHIỆM
 TOÁN V
 A &
 H-T.P1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán tấm lợp	68.531.037.000	77.054.045.400
Doanh thu gia công xi măng	119.707.827.150	160.954.606.180
Doanh thu bán thành phẩm khác	139.327.274	8.915.768.806
Doanh thu khác	3.929.365.545	3.281.578.123
Cộng	192.307.556.969	250.205.998.509

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gia công xi măng	119.707.827.150	160.954.606.180
Doanh thu vận chuyển	1.192.031.220	476.946.000

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lợp	40.177.822.298	48.865.358.582
Giá vốn gia công xi măng	119.918.774.886	159.296.056.777
Giá vốn thành phẩm khác	652.872.099	9.322.260.649
Giá vốn khác	17.556.423	1.475.688.789
Cộng	160.767.025.706	218.959.364.797

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	527.468.590
Chi phí vật liệu, bao bì	92.926.953	53.521.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.327.628	59.327.628
Các chi phí khác	117.451.402	64.112.000
Cộng	269.705.983	704.429.432

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.330.380.868	3.636.904.939
Chi phí vật liệu, bao bì	49.100.280	83.427.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	375.975.532	447.278.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.105.393	564.775.586
Chi phí quản lý ở Nhơn Trạch	1.074.917.926	929.599.407
Chi phí khác	725.572.933	882.667.730
Cộng	5.909.052.932	6.544.653.983

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	252.503.556
Thu nhập từ hoạt động cấp cảng	-	451.334.187
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	25.002.466	79.571.712
Thu nhập khác	182.529.998	2.361.980
Cộng	207.532.464	785.771.435

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt và các khoản phạt vi phạm khác	154.523.161	-
Chi phí khác	10.804.306	4.355
Cộng	165.327.467	4.355

9. Lãi trên cổ phiếu
9a. Lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(46.037.189.112)	(40.963.612.071)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu	(46.037.189.112)	(40.963.612.071)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu	(1.691)	(1.505)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.347.859.334	95.342.706.197
Chi phí nhân công	15.028.173.673	21.172.480.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.868.277.132	34.107.371.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.698.327.465	58.554.810.870
Chi phí khác	2.238.088.831	3.029.716.149
Cộng	169.180.726.435	212.207.085.930

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

12/12/2021

12/12/2021

T. T. C. P.

T. T. C. P.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt gồm lương và các khoản thưởng với tổng tiền trong năm nay là 948.909.990 VND (năm trước là 1.294.338.702 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Giao dịch với bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu và thành phẩm	14.882.187.060	21.562.525.284
Mua xi măng	13.203.878.636	14.925.018.395

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, tiền nước sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất tấm lợp	Lĩnh vực gia công xi măng	Các lĩnh vực bán xi măng và khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	63.560.366.728	119.707.827.150	4.068.692.819	187.336.886.697
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.560.366.728	119.707.827.150	4.068.692.819	187.336.886.697
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.072.875.890	(2.927.783.530)	3.246.009.716	20.391.102.076
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				20.391.102.076
Doanh thu hoạt động tài chính				10.887.601
Chi phí tài chính				(66.481.383.786)
Thu nhập khác				207.532.464
Chi phí khác				(165.327.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(46.037.189.112)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.041.057.481	33.595.550.638	254.514.972	34.891.123.091
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	71.090.817.674	160.954.606.180	12.197.346.929	244.242.770.783
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.090.817.674	160.954.606.180	12.197.346.929	244.242.770.783
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.001.275.862	(1.307.023.154)	1.340.069.863	18.034.322.571
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.034.322.571
Doanh thu hoạt động tài chính				6.010.146
Chi phí tài chính				(59.789.711.868)
Thu nhập khác				785.771.435
Chi phí khác				(4.355)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(40.963.612.071)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	235.343.257	235.343.257	470.686.514
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.041.057.552	33.941.232.785	147.927.530	35.130.217.867
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản phẩm tắm lợp	Sản phẩm gia công xi măng	Các lĩnh vực bán xi măng và khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.328.424.253	734.971.000.139	3.572.306.484	752.871.730.875
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	8.036.194.657
Tổng tài sản				760.907.925.532
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	12.798.508.121	977.389.622.791	400.041.674	990.588.172.586
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	9.878.378.189
Tổng nợ phải trả				1.000.466.550.775
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.153.315.632	719.489.147.460	3.333.033.716	736.975.496.808
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	4.174.708.161
Tổng tài sản				741.150.204.969
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	11.944.967.300	915.405.414.851	29.641.280	927.380.023.431
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	7.291.617.669
Tổng nợ phải trả				934.671.641.100

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 hoạt động kinh doanh của Công ty đã là 46.037.189.112 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 611.226.549.644 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 239.558.625.243 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 722.803.922.889 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có lãi bằng việc tiếp tục đẩy mạnh tiêu thụ tắm lợp và tiếp tục tập trung vào sản xuất hơn một triệu tấn xi măng do Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh bao tiêu. Đồng thời Công ty đang làm việc với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó, các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Người lập/Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Lê Thân
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



Đồng Nai, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Lê Thân
Tổng Giám đốc